

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

**Số: 76/CHOLIMEX FOOD/2025**

**I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm:**

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex

Địa chỉ: Lô C40-43/I, C51-55/II, Đường số 7, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, Xã Vĩnh Lộc,  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (028) 37653389 - 37654946

Fax: (028) 37653025

Email: cholimexfood@cholimexfood.com.vn

Mã số doanh nghiệp: 0304475742

Giấy chứng nhận ISO 22000:2018 số: HA 245/6.25.C1 do Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất  
lượng Quốc gia/ Trung tâm Chứng nhận Phù hợp (QUACERT) cấp

**II. Thông tin về sản phẩm:**

1. Tên sản phẩm:

**XỐT TIÊU ĐEN**

2. Thành phần: Nước, nước tương, dầu hào, đường, dầu nành, tỏi, tiêu đen (4 %), cà chua cô  
đặc, muối iod (NaCl, KIO<sub>3</sub>), hành tím, chất điều vị (621, 635), dịch chiết xuất tiêu (chiết xuất  
tiêu (55 – 60 %), maltodextrin, chất ổn định (1442), chất chống oxi hóa (307c)), chất ổn định  
(1422, 415), phẩm màu tổng hợp (150c), chất điều chỉnh độ acid (330), chất bảo quản (202).

*Thông tin, cảnh báo: Người dị ứng với các thành phần trên cần lưu ý khi sử dụng.*

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

Khối lượng tịnh: 190 g hoặc khối lượng tịnh đúng với khối lượng tịnh đã ghi trên nhãn sản  
phẩm cho từng loại bao bì chứa đựng; hoặc tùy theo yêu cầu của từng thị trường, tùy theo yêu  
cầu của khách hàng.

Sản phẩm được chứa trong: hũ thủy tinh, gói PET/PE/PA; đóng kín bằng nắp sắt hoặc ghép  
kín mí (đạt yêu cầu bao bì chứa đựng thực phẩm, bao bì sạch, kín, đảm bảo vệ sinh).

**III. Mẫu nhãn sản phẩm** (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến).

**XỐT TIÊU ĐEN**

#### IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-2:2011/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm)
- QCVN 8-1:2011/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm)
- Thông tư số 24/2019/TT-BYT (Thông tư Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm) và Thông tư số 17/2023/TT-BYT (Sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm do Bộ trưởng Bộ Y Tế ban hành)
- Tiêu chuẩn kỹ thuật nội bộ

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 9 năm 2025



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Huyền Trang



KT3-08003ATP5/1-6

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

22/08/2025  
Trang 01/01

- Tên mẫu : **XỐT TIÊU ĐEN**
- Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.  
Mẫu còn nguyên bao bì và nhãn hiệu.
- Số lượng mẫu : 01
- Ngày nhận mẫu : 14/08/2025
- Thời gian thử nghiệm : 14/08/2025 – 22/08/2025
- Nơi gửi mẫu : **CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM CHOLIMEX**  
**Lô C40-43/I, C51-55/II, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, Xã Vĩnh Lộc, Thành Phố Hồ Chí Minh**

7. Kết quả thử nghiệm :

| Tên chỉ tiêu                       |       | Phương pháp thử                | Kết quả thử nghiệm        |
|------------------------------------|-------|--------------------------------|---------------------------|
| 7.1. Tổng số vi sinh vật hiếu khí, | CFU/g | ISO 4833-1:2013/<br>AMD 1:2022 | 3,0 x 10 <sup>1</sup>     |
| 7.2. Coliform,                     | CFU/g | ISO 4832 : 2006                | Nhỏ hơn 10 <sup>(1)</sup> |
| 7.3. E.Coli,                       | MPN/g | ISO16649 – 3 : 2015            | 0                         |
| 7.4. Staphylococcus aureus,        | CFU/g | AOAC 2023 (975.55)             | Nhỏ hơn 10 <sup>(1)</sup> |
| 7.5. Salmonella spp/ 25 g          |       | ISO 6579-1:2017/<br>Amd.1:2020 | Không phát hiện           |
| 7.6. Tổng số nấm men & nấm mốc,    | CFU/g | ISO 21527-2:2008               | Nhỏ hơn 10 <sup>(1)</sup> |

**Ghi chú:** (1): Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa

**P. TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM**



**Nguyễn Hữu Tín**

**TL. GIÁM ĐỐC**

**TRUNG PHÒNG THỬ NGHIỆM/**



**Ngô Quốc Việt**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.  
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.  
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.  
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.  
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.  
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.  
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.  
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ [dh.cs@quatest3.com.vn](mailto:dh.cs@quatest3.com.vn) để biết thêm thông tin.  
Please contact QUATEST 3 at the email addresses [dh.cs@quatest3.com.vn](mailto:dh.cs@quatest3.com.vn) for further information about test report .  
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (\*) là chưa được công nhận.  
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (\*) are not accredited yet.

KT3-08003ATP5/1-8

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

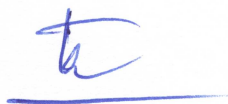
22/08/2025  
Trang 01/01

- Tên mẫu : XỐT TIÊU ĐEN
- Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.  
Mẫu còn nguyên bao bì và nhãn hiệu.
- Số lượng mẫu : 01
- Ngày nhận mẫu : 14/08/2025
- Thời gian thử nghiệm : 14/08/2025 – 22/08/2025
- Nơi gửi mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM CHOLIMEX  
Lô C40-43/I, C51-55/II, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, Xã Vĩnh Lộc, Thành Phố Hồ Chí Minh

7. Kết quả thử nghiệm :

| Tên chỉ tiêu                       | Phương pháp thử                          | Giới hạn phát hiện    | Kết quả thử nghiệm |
|------------------------------------|------------------------------------------|-----------------------|--------------------|
| 7.1. Hàm lượng asen tổng số, mg/kg | TCVN 8427 : 2010                         | $1,00 \times 10^{-2}$ | Không phát hiện    |
| 7.2. Hàm lượng cadimi, mg/kg       | QUATEST3 1096:2023<br>(Ref: AOAC 973.35) | $3,00 \times 10^{-2}$ | Không phát hiện    |
| 7.3. Hàm lượng chì, mg/kg          | QUATEST3 1096:2023<br>(Ref: AOAC 973.35) | $3,00 \times 10^{-2}$ | Không phát hiện    |
| 7.4. Hàm lượng thủy ngân, mg/kg    | QUATEST3 1095:2023<br>(Ref: AOAC 971.21) | $1,50 \times 10^{-2}$ | Không phát hiện    |

P. TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM



Nguyễn Hữu Tín

TL. GIÁM ĐỐC  
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM/



Ngô Quốc Việt

KT3-08003ATP5/1-10

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

22/08/2025  
Trang 01/01

- Tên mẫu : **XỐT TIÊU ĐEN**
- Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.  
Mẫu còn nguyên bao bì và nhãn hiệu.
- Số lượng mẫu : 01
- Ngày nhận mẫu : 14/08/2025
- Thời gian thử nghiệm : 14/08/2025 – 22/08/2025
- Nơi gửi mẫu : **CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM CHOLIMEX**  
**Lô C40-43/I,C51-55/II, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, Xã Vĩnh Lộc, Thành Phố Hồ Chí Minh**
- Kết quả thử nghiệm :

| Tên chỉ tiêu                                                        | Phương pháp thử                           | Giới hạn phát hiện | Phạm vi đo ( $\geq$ ) | Kết quả thử nghiệm |
|---------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|--------------------|-----------------------|--------------------|
| 7.1. Hàm lượng aflatoxin B1, $\mu\text{g/kg}$                       | TCVN 7596 : 2007                          | 0,25               |                       | Không phát hiện    |
| 7.2. Hàm lượng aflatoxin tổng (B1 + B2 + G1 + G2), $\mu\text{g/kg}$ | TCVN 7596 : 2007                          | 0,25               |                       | Không phát hiện    |
| 7.3. Hàm lượng ochratoxin A, $\mu\text{g/kg}$                       | QUATEST3 1139:2023<br>(Ref: AOAC 2000.03) | 0,3                |                       | Không phát hiện    |

**P. TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM**

**Nguyễn Hữu Tín**

**TL. GIÁM ĐỐC  
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM/**

**Ngô Quốc Việt**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ  $k = 2$ , phản bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor  $k = 2$ , at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ [dh.cs@quatest3.com.vn](mailto:dh.cs@quatest3.com.vn) để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses [dh.cs@quatest3.com.vn](mailto:dh.cs@quatest3.com.vn) for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (\*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (\*) are not accredited yet.

KT3-08003ATP5/1-7

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

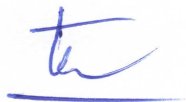
22/08/2025  
Trang 01/01

1. Tên mẫu : **XỐT TIÊU ĐEN**
2. Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.  
Mẫu còn nguyên bao bì và nhãn hiệu.
3. Số lượng mẫu : 01
4. Ngày nhận mẫu : 14/08/2025
5. Thời gian thử nghiệm : 14/08/2025 – 22/08/2025
6. Nơi gửi mẫu : **CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM CHOLIMEX**  
**Lô C40-43/I, C51-55/II, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, Xã Vĩnh Lộc, Thành Phố Hồ Chí Minh**
7. Kết quả thử nghiệm :

| Tên chỉ tiêu                                               | Phương pháp thử                               | Kết quả thử nghiệm     |
|------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|------------------------|
| 7.1. Năng lượng (*)<br>• kcal/100 g                        | QTTN/KT3 024:2018                             | 150                    |
| 7.2. Hàm lượng béo, g/100 g                                | QUATEST3<br>1056:2023<br>(có thủy phân)       | 5,92                   |
| 7.3. Hàm lượng natri, mg/100 g                             | QUATEST3<br>1111:2023<br>(Ref: AOAC 969.23)   | 2,95 x 10 <sup>3</sup> |
| 7.4. Hàm lượng carbohydrate không bao gồm chất xơ, g/100 g | AOAC 2020.07                                  | 19,9                   |
| 7.5. Hàm lượng protein, g/100 g                            | QUATEST3<br>1057:2023<br>Phương pháp Kjeldahl | 4,21                   |

**Ghi chú:** Hàm lượng protein = Hàm lượng nitơ x 6,25

**P. TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM**



**Nguyễn Hữu Tín**

**TL. GIÁM ĐỐC**

**TRUNG PHÒNG THỬ NGHIỆM/**



**Ngô Quốc Việt**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.  
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.  
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.  
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ [dh.cs@quatest3.com.vn](mailto:dh.cs@quatest3.com.vn) để biết thêm thông tin.  
Please contact QUATEST 3 at the email addresses [dh.cs@quatest3.com.vn](mailto:dh.cs@quatest3.com.vn) for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (\*) là chưa được công nhận.  
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (\*) are not accredited yet.

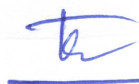
KT3-08003ATP5/1-9

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

22/08/2025  
Trang 01/01

1. Tên mẫu : **XỐT TIÊU ĐEN**
2. Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.  
Mẫu còn nguyên bao bì và nhãn hiệu.
3. Số lượng mẫu : 01
4. Ngày nhận mẫu : 14/08/2025
5. Thời gian thử nghiệm : 14/08/2025 – 22/08/2025
6. Nơi gửi mẫu : **CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM CHOLIMEX**  
**Lô C40-43/I, C51-55/II, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, Xã Vĩnh Lộc, Thành Phố Hồ Chí Minh**
7. Kết quả thử nghiệm :

| Tên chỉ tiêu                                      | Phương pháp thử | Giới hạn phát hiện | Phạm vi đo ( $\geq$ ) | Kết quả thử nghiệm |
|---------------------------------------------------|-----------------|--------------------|-----------------------|--------------------|
| 7.1. Hàm lượng sorbate quy ra kali sorbate, mg/kg | TCVN 8471:2010  | -                  |                       | 935                |

**P. TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM****Nguyễn Hữu Tín****TL. GIÁM ĐỐC**  
**TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM/****Ngô Quốc Việt**

## Xốt Tiều Đen

### BLACK PEPPER SAUCE



**THƠM NỒNG SÁNH ĐẬM**

Khối lượng tịnh  
Net weight  
**190 g**

**HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG:**  
Dùng làm gia vị tẩm ướp các món: bò lúc lắc xốt tiều, gà xốt tiều, cua xốt tiều.

Chọn hải sản phù hợp cần chế biến, làm chín hải sản, nấu xốt lại cho nóng, cho xốt vào hải sản trộn đều và sử dụng. Phù hợp khi chế biến với tôm, cua.

**HẢI SẢN**  
Luộc hải sản, làm nóng xốt tiều đen, trộn đều và thưởng thức.

**THỊT GÀ**  
Chiên gà, làm nóng xốt tiều đen, trộn đều và thưởng thức.

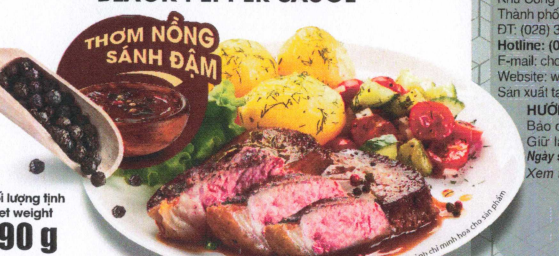
**THỊT BÒ**  
Ướp bò với xốt tiều đen, xào chín, thưởng thức.

**GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG TRUNG BÌNH TRONG 100 g**

|                            |          |
|----------------------------|----------|
| Năng lượng (Energy)        | 150 kcal |
| Chất đạm (Protein)         | 4.21 g   |
| Carbohydrat (Carbohydrate) | 19.9 g   |
| Chất béo (Total Fat)       | 5.92 g   |
| Natri (Sodium)             | 2950 mg  |

## Xốt Tiều Đen

### BLACK PEPPER SAUCE



**THƠM NỒNG SÁNH ĐẬM**

Khối lượng tịnh  
Net weight  
**190 g**

**THÀNH PHẦN:** Nước, nước tương, dầu hào, đường, dầu hành, tỏi, tiêu đen (4%), cà chua cô đặc, muối iod (NaCl, KIO<sub>3</sub>), hành tím, chất điều vị (621, 635), dịch chiết xuất tiêu (chiết xuất tiêu (55 - 60%), maltodextrin, chất ổn định (1442), chất chống oxy hóa (307c), chất ổn định (1422, 415), phẩm màu tổng hợp (150c), chất điều chỉnh độ acid (330), chất bảo quản (202).

**Thông tin, cảnh báo:** Người dị ứng với các thành phần trên cần lưu ý khi sử dụng.

**SẢN PHẨM CỦA:**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM CHOLIMEX**  
Lô C40-43/1, C51-55/11, Đường số 7,  
Khu Công Nghiệp Vĩnh Lộc, Xã Vĩnh Lộc,  
Thành phố Hồ Chí Minh.  
ĐT: (028) 37653389 - Fax: (028) 37653025  
Hotline: (028) 37654946  
E-mail: cholimexfood@cholimexfood.com.vn  
Website: www.cholimexfood.com.vn  
Sản xuất tại Việt Nam

**HƯỚNG DẪN BẢO QUẢN:**  
Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát.  
Giữ lạnh sau khi mở nắp: 2 tháng  
Ngày sản xuất, hạn sử dụng:  
Xem trên nhãn, trên nắp hoặc trên thân chai.

Ngày ...11...tháng...9...năm...2025

Tổng Giám Đốc



Nguyễn Thị Huyền Trang



## CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM CHOLIMEX

Văn phòng và Nhà máy tại TP.HCM (EU CODE: DL 62, NM 556)

☎ Lô C40-43/I, C51-55/II, Đường số 7, ☎ (028) 3765 3389

KCN Vĩnh Lộc, Xã Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh. ☎ (028) 3765 3025

Nhà máy Chế Biến Thực Phẩm Cholimex Food Bến Lức (EU CODE: TS 1265, KL 1262)

☎ Lô C3-19, C3-24, Đường VL7, ☎ (0272) 3883666

KCN Vĩnh Lộc 2, Xã Mỹ Yên, Tỉnh Tây Ninh

✉ cholimexfood@cholimexfood.com.vn

🌐 www.cholimexfood.com.vn



MST: 0304 475 742

## TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

### Sản phẩm: XỐT TIÊU ĐEN

#### 1. Các chỉ tiêu cảm quan:

- Trạng thái: Dạng sệt
- Màu sắc: Đặc trưng của sản phẩm
- Mùi vị: Đặc trưng của sản phẩm

#### 2. Các chỉ tiêu vi sinh vật:

| STT | TÊN CHỈ TIÊU                 | ĐƠN VỊ TÍNH | MỨC TỐI ĐA |
|-----|------------------------------|-------------|------------|
| 01  | Tổng số vi sinh vật hiếu khí | CFU/g       | $10^4$     |
| 02  | Coliform                     | CFU/g       | $10^2$     |
| 03  | E.coli                       | MPN/g       | 3          |
| 04  | S.aureus                     | CFU/g       | $10^2$     |
| 05  | Salmonella                   | /25g        | Không có   |
| 06  | Tổng số bào tử nấm men – mốc | CFU/g       | $10^2$     |

3. Hàm lượng kim loại nặng: Phù hợp QCVN 8-2:2011/BYT (phần II: mục 1.12, mục 2.24, mục 3.30, mục 4.9)

| STT | TÊN CHỈ TIÊU | ĐƠN VỊ TÍNH | MỨC TỐI ĐA |
|-----|--------------|-------------|------------|
| 01  | As           | mg/kg       | 5          |
| 02  | Cd           | mg/kg       | 1          |
| 03  | Pb           | mg/kg       | 2          |
| 04  | Hg           | mg/kg       | 0,05       |

4. Hàm lượng độc tố vi nấm: Phù hợp QCVN 8-1:2011/BYT (phần II: mục 1.9, mục 2.11)

| STT | TÊN CHỈ TIÊU      | ĐƠN VỊ TÍNH      | MỨC TỐI ĐA |
|-----|-------------------|------------------|------------|
| 01  | Aflatoxin B1      | $\mu\text{g/kg}$ | 5          |
| 02  | Aflatoxin tổng số | $\mu\text{g/kg}$ | 10         |
| 03  | Ochratoxin A      | $\mu\text{g/kg}$ | 30         |

#### 5. Thành phần dinh dưỡng:

| STT | TÊN CHỈ TIÊU | ĐƠN VỊ TÍNH | MỨC CÔNG BỐ |
|-----|--------------|-------------|-------------|
| 01  | Năng lượng   | kcal/ 100 g | 120 – 180   |
| 02  | Chất đạm     | g/100 g     | 3,37 – 5,05 |
| 03  | Carbohydrat  | g/100 g     | 15,9 – 23,9 |
| 04  | Chất béo     | g/100 g     | 4,74 – 7,10 |
| 05  | Natri        | mg/ 100 g   | 2360 – 3540 |



## CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM CHOLIMEX

Văn phòng và Nhà máy tại TP.HCM (EU CODE: DL 62, NM 556)

☎ Lô C40-43/I, C51-55/II, Đường số 7,

☎ (028) 3765 3389

KCN Vĩnh Lộc, Xã Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh.

☎ (028) 3765 3025

Nhà máy Chế Biến Thực Phẩm Cholimex Food Bến Lức (EU CODE: TS 1265, KL 1282)

☎ Lô C3-19, C3-24, Đường VL7,

☎ (0272) 3883666

KCN Vĩnh Lộc 2, Xã Mỹ Yên, Tỉnh Tây Ninh

✉ cholimexfood@cholimexfood.com.vn

🌐 www.cholimexfood.com.vn

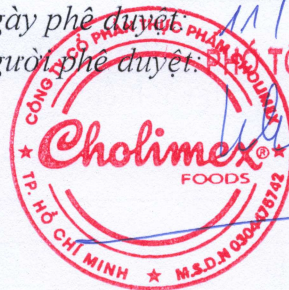


MST: 0304 475 742

**6. Phụ gia thực phẩm:** Kiểm soát mức sử dụng theo Thông tư 24/2019/TT-BYT & Thông tư 17/2023/TT-BYT:

| STT | TÊN CHỈ TIÊU      | ĐƠN VỊ TÍNH | MỨC TỐI ĐA |
|-----|-------------------|-------------|------------|
| 01  | Kali Sorbat (202) | mg/kg       | 1000       |

Ngày phê duyệt: 11/9/2025  
Người phê duyệt: **ĐẠI TƯỚNG GIÁM ĐỐC**



*Nguyễn Thị Huyền Trang*